TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-PT
Ngày: 01 - 3 - 2024
V/v "Vi phạm nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Hữu Thịnh,**
Các Thẩm phán: bà **Võ Thị Minh Phượng,**
bà **Nguyễn Thị Liên** .

- Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2023/QĐ - PT ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Hải Á - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: Số G Đ, phường A, quận S, thành phố Đ.

- Bị đơn: bà Trần Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Anh N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A N, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Viết L, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Anh N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A N, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số G B, Phường A, quận T, Thành phố H.

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết L, bà Trần Thị D .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Giữa ông K và bà T là quan hệ chị vợ em rể. Từ tháng 8/2016 đến tháng 12/2020, do là người trong gia đình nên ông K cho bà T và ông L vay số tiền 1.544.000.000 đồng để trả nợ và kinh doanh làm ăn *(số tiền được chuyển khoản qua ngân hàng).*

Từ tháng 02/2021 đến nay ông K đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông L trả nợ nhưng vợ chồng bà T hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay thời gian quá lâu, ông K đòi nhiều lần nhưng không được. Do đó ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L phải trả lại cho ông K số tiền gốc đã cho mượn là 1.544.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 8/2016 đến tháng 5/2023 là 1.217.504.000 đồng (lãi suất 1.5%/tháng).

Việc bà T trả nợ cho ông K nhưng đưa cho vợ ông K là bà Trần Thị D là âm mưu của chị em bà T hòng chiếm đoạt tiền của ông K. Vì giữa vợ chồng ông K đã bị trục trặc tình cảm từ tháng 7/2021. Từ tháng 7/2021 đến nay ông K thì sống ở Đà Nẵng còn bà T thì sống ở S. Do đó yêu cầu vợ chồng bà T phải có trách nhiệm trả tiền cho ông K. Toàn bộ số tiền này là tiền làm ăn của cá nhân ông K, không phải là tiền chung của vợ chồng.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận quan hệ giữa bà và ông K như lời trình bày của ông K. Bà T thừa nhận ông K có chuyển cho bà T số tiền 1.544.000.000 đồng nhưng đây là số tiền vợ chồng ông K chuyển về cho bà T làm ăn kinh doanh chứ không phải là tiền vay. Số tiền 1.544.000.000 đồng trên bà T đã trả cho vợ ông K là Trần Thị D vào ngày 19/01/2023, vợ ông K có viết giấy xác nhận, bà T đã cung cấp cho Tòa án nên bà T không đồng ý yêu cầu đòi tiền của ông K. Đối với số tiền lãi, do là hai bên cùng đầu tư kinh doanh nên có lời cùng chia, lỗ cùng chịu, mà vụ làm ăn liên quan đến số tiền này bị lỗ nên bà T không đồng ý yêu cầu trả lãi của ông K. Ông L chồng bà T không biết đến các khoản tiền này nên không liên quan đến ông L.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D trình bày:

Bà D và bà Trần Thị T có mối quan hệ chị em ruột, cho nên hai vợ chồng bà D cùng thống nhất chuyển tiền về cho bà T với mục đích góp vốn làm ăn chung và mua bán. Trước đây bà T có nhiều lần chuyển tiền qua lại, có lúc chuyển cho ông K và có lúc chuyển cho bà D. Vợ chồng bà D, ông K cùng thỏa thuận với bà T: Lời cùng chia, lỗ cùng chịu.

Vào ngày 19/01/2023 bà D có về quê ăn Tết và bà T có trả tiền mặt cho bà D số tiền 1.544.000.000 đồng và bà D đã nhận đủ số tiền trên. Sau khi nhận tiền từ bà T, bà D không nói với ông K về việc nhận tiền và bà D chỉ nói cho ông K biết khi ông K gửi đơn kiện bà T ra Tòa. Hiện số tiền đã nhận từ bà T bà D cho rằng là tài sản chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết L trình bày: Việc góp vốn của ông K, ông L không biết nên không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 466, 494 và 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L phải trả cho ông Nguyễn Văn K số tiền là 1.544.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng*).

Các bên thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2] Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L phải trả số tiền lãi là 1.217.504.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/8/2023, 05/9/2029, 13/11/2023 ông Nguyễn Văn K, bà Trần Thị T, ông Đinh Viết L và bà Trần Thị D kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết L, bà Trần Thị D; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 18/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết L và bà Trần Thị D không rút đơn kháng cáo, ông Nguyễn Văn K, bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L kháng cáo một phần bản án, bà Trần Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng

Về thời hạn kháng cáo: ông Nguyễn Văn K, bà Trần Thị T, ông Đinh Viết L và bà Trần Thị D kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung vụ án

[2.2.1] Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L trả tiền lãi số tiền 1.217.504.000 đồng, Hội đồng xét xử xét: tại trang 7 của Vi bằng do Văn phòng T2 lập ngày 02/3/2023 bà Trần Thị T có thừa nhận: còn nợ ông Nguyễn Văn K, tại Biên bản phiên toà sơ thẩm (BL 75) và tại phiên toà phúc thẩm bà Trần Thị T đã thừa nhận: Vào đầu tháng 02/2021, ông K có gởi Đơn ra Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền còn nợ. Tại phiên hoà giải của Tổ hoà giải bà T có hứa mỗi năm trả 500.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do thông qua vợ ông K là bà D bà T xin trả dần, nên ông K rút đơn khởi kiện. Điều này chứng tỏ: Ông Nguyễn Văn K đã thực hiện việc đòi bà Trần Thị T trả nợ từ tháng 02/2021. Như vậy, từ tháng 3/2021 bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên yêu cầu của ông K về việc buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự (10%/ năm) từ tháng 3/2021 đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

Số tiền chậm trả được tính như sau:

Thời gian chậm trả: Từ tháng 3/2021 đến tháng 7/2023 là 29 tháng.

Số tiền chậm trả: 1.544.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 29 tháng = 371.640.800 đồng.

Số tiền chậm trả được Hội đồng xét xử chấp nhận là 371.640.800 đồng.

Việc yêu cầu trả lãi của ông Nguyễn Văn K từ khi chuyển tiền đến ngày 21/02/2021: Do ông Nguyễn Văn K không có chứng cứ chứng minh là vay có lãi, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T về việc số tiền 1.544.000.000 đồng là số tiền góp vốn là của vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà đã trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho bà Trần Thị D, Hội đồng xét xử xét: Số tiền 1.544.000.000 đồng ông Nguyễn Văn K chuyển cho bà Trần Thị T là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn K, hay tài sản riêng của ông Nguyễn Văn K, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ kiện này.

Sau khi nhận số tiền 1.544.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn K, đến tháng 02/2021, ông K có gởi Đơn ra Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền 1.544.000.000 đồng. Tại phiên hoà giải của Tổ hoà giải bà T có hứa mỗi năm trả 500.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Như vậy, ông K là người trực tiếp chuyển tiền cho bà Trần Thị T và ông K, cũng là người trực tiếp gởi Đơn ra Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền 1.544.000.000 đồng, bà D có biết sự việc nhưng không có ý kiến gì. Việc bà Trần Thị T đã trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho bà Trần Thị D, khi không có sự đồng ý của ông K là trả không đúng đối tượng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T.

[2.2.3] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết L về việc bản án sơ thẩm buộc ông có nghĩa vụ trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử xét: Mặc dù, ông K chỉ có chuyển khoản số tiền 50 triệu đồng vào tài khoản của ông Đinh Viết L, nhưng toàn bộ số tiền 1.544.000.000 đồng ông Nguyễn Văn K chuyển cho vợ chồng bà Trần Thị T **vợ chồng bà T dùng để mua đất**, giấy tờ đất đứng tên vợ chồng bà T và ông L. Như vậy, mặc dù việc chuyển tiền của ông K ông L không biết nhưng ông L là người được đứng tên trên Giấy CNQSD đất của các thửa đất được mua từ tiền của ông K chuyển về. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông K trong việc nhận lại số tiền đã cho mượn, bản án sơ thẩm buộc ông Đinh Viết L có nghĩa vụ cùng với bà Trần Thị T trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn K là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2.4] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D về việc bản án sơ thẩm xác định số tiền 1.544.000.000 đồng là tài sản riêng của ông K và buộc bà Trần Thị T và ông L trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho ông K làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Trần Thị D, Hội đồng xét xử xét: Như đã phân tích ở [2.2.2] việc bà Trần Thị T đã trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho bà Trần Thị D khi không có sự đồng ý của ông K là trả không đúng đối tượng, nên bản án sơ thẩm buộc bà Trần Thị T trả số tiền 1.544.000.000 đồng cho ông K là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định số tiền 1.544.000.000 đồng là tài sản riêng của ông K là giải quyết khi không có yêu cầu và không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà D.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, ông Đinh Viết L và chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị D sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Bản án sơ thẩm xác định quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là không đúng.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[4] Do sửa án sơ thẩm, nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Cụ thể:

Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận: (1.217.504.000 đồng - 371.640.800 đồng) là 37.375.900 đồng.

Bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 69.469.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị D, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 166, 499, 504, 510 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc *"Vi phạm nghĩa vụ trả tiền"* với bị đơn bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.915.640.800 đồng *(Một tỷ, chín trăm mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn, tám trăm đồng)* cho ông Nguyễn Văn K.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về yêu cầu buộc bà Trần Thị T và ông Đinh Viết L phải trả số tiền lãi là 845.863.200 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải chịu 69.469.000 đồng (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K phải chịu 37.375.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.615.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002356 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên. H lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 6.239.100 đồng *(Sáu triệu hai trăm ba mươi chín nghìn một trăm đồng)*.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H lại cho ông Nguyễn Văn K số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002610 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Bà Trần Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H lại cho bà Trần Thị D số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012025 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0002613 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Ông Đinh Viết L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002612 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(ngày 01/3/2024)*.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Duy Xuyên;
- CCTHADS huyện Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

"Đã ký"

Nguyễn Hữu Thịnh